

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VỀ HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

TÔ ĐÌNH PHÁT*

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, việc kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính đã trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Cơ chế hạn ngạch phát thải khí nhà kính được xem là một công cụ quan trọng, góp phần tạo khuôn khổ pháp lý để kiểm soát tổng lượng phát thải và thúc đẩy các chủ thể giảm phát thải thông qua các cơ chế mang tính thị trường. Tại Việt Nam, hệ thống pháp luật về hạn ngạch phát thải khí nhà kính bước đầu đã được hình thành nhằm phục vụ mục tiêu thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, do đây là lĩnh vực mới và có tính chất phức tạp, các quy định pháp luật hiện hành vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Bài viết tập trung phân tích một số hạn chế trong quy định pháp luật về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Hạn ngạch; phát thải khí nhà kính; hoàn thiện pháp luật; khuôn khổ pháp lý.

In the context of increasingly severe climate change, the inventory and reduction of greenhouse gas emissions have become urgent requirements for countries, including Vietnam. The mechanism of greenhouse gas emission quotas is considered an important tool, contributing to establishing a legal framework to control total emissions and to encourage entities to reduce emissions through market-based mechanisms. In Vietnam, the legal system governing greenhouse gas emission quotas was initially established to support the implementation of international commitments on climate change. However, as this is a new and complex field, current legal regulations still reveal certain limitations. The article analyzes several shortcomings in the legal provisions on greenhouse gas emission quotas and proposes several solutions to improve the legal framework in Vietnam at present.

Keywords: Quotas; greenhouse gas emissions; legal improvement; legal framework.

NGÀY NHẬN: 26/12/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 22/3/2026

NGÀY DUYỆT: 17/4/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.363.2026.1480>

1. Đặt vấn đề

Pháp luật về hạn ngạch phát thải khí nhà kính tại Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng, góp phần từng bước hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động quản lý phát thải. Hệ thống quy định pháp luật hiện nay đã xác lập cơ sở pháp lý cho việc kiểm kê khí nhà kính cũng như xây dựng cơ chế phân bổ và quản lý

hạn ngạch phát thải. Đồng thời, từng bước đặt nền móng cho việc hình thành và vận hành thị trường các-bon trong nước theo lộ trình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Những quy định này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà

* Công ty cổ phần Boss Holding

nước đối với hoạt động phát thải khí nhà kính mà còn tạo tiền đề quan trọng cho việc thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về giảm phát thải và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, pháp luật về hạn ngạch phát thải khí nhà kính tại Việt Nam còn bộc lộ một số hạn chế cần có giải pháp hoàn thiện trong thời gian tới.

2. Hạn chế của quy định pháp luật về phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính

Thứ nhất, về lộ trình phân bổ hạn ngạch khí nhà kính.

Theo Điều 12 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ, việc phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở được triển khai theo giai đoạn 2025 - 2026, giai đoạn 2027 - 2028 và 2029 - 2030. Trong giai đoạn đầu, chính sách tập trung vào các cơ sở có mức phát thải lớn thuộc các ngành trọng điểm, như: nhiệt điện, sản xuất sắt thép và xi măng là những lĩnh vực có tỷ trọng phát thải cao trong tổng phát thải quốc gia. Ở các giai đoạn tiếp theo, các bộ quản lý ngành có trách nhiệm đề xuất danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch trên cơ sở Danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành; đồng thời, đề xuất mức hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng cơ sở và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn luật định. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý và quản trị phát thải, quy định hiện hành vẫn bộc lộ một số hạn chế.

(1) Phạm vi áp dụng trong giai đoạn đầu tương đối hẹp, chỉ bao gồm một số ngành có quy mô lớn, trong khi các cơ sở phát thải quy mô trung bình và nhỏ ở các lĩnh vực khác chưa thuộc diện phân bổ hạn ngạch. Điều này có thể dẫn đến tình trạng dịch chuyển phát thải sang các lĩnh vực chưa chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của cơ chế hạn ngạch, làm giảm hiệu quả kiểm soát tổng lượng phát thải và ảnh hưởng đến tính toàn diện của hệ thống, ảnh hưởng tới độ chính xác và tính đầy đủ của dữ liệu phát thải.

(2) Quy định về lộ trình phân bổ hiện nay chủ yếu xác định mốc thời gian và cơ chế để xuất danh mục mà chưa làm rõ tiêu chí cụ thể để lựa chọn cơ sở được phân bổ hạn ngạch cũng như phương pháp xác định mức hạn ngạch cho từng cơ sở. Việc thiếu các tiêu chí minh bạch, thống nhất về phân bổ có thể dẫn đến nguy cơ áp dụng không đồng đều giữa các ngành và địa phương, ảnh hưởng đến nguyên tắc công bằng và cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

(3) Lộ trình mở rộng phạm vi phân bổ trong các giai đoạn tiếp theo đòi hỏi năng lực thể chế và nguồn lực kỹ thuật từ phía cơ quan quản lý cũng như doanh nghiệp. Nếu cơ sở sản xuất không được hỗ trợ kịp thời về công nghệ, tài chính và hướng dẫn kỹ thuật, việc áp dụng hạn ngạch nghiêm ngặt hơn trong các giai đoạn sau có thể tạo áp lực chi phí lớn, đặc biệt đối với doanh nghiệp có năng lực tài chính hạn chế.

Thứ hai, về phương pháp xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, việc xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính được thực hiện căn cứ vào một số yếu tố chủ yếu, như: mức phát thải trên đơn vị sản phẩm, mục tiêu tăng trưởng của lĩnh vực, mục tiêu giảm phát thải theo kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tiềm năng cắt giảm phát thải và năng lực kỹ thuật, công nghệ, tài chính của cơ sở. Phương pháp cụ thể được hướng dẫn tại Phương pháp 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP. Cách tiếp cận này cho thấy, Việt Nam định hướng xây dựng hệ thống giao dịch phát thải theo mô hình giới hạn và thương mại phù hợp với thông lệ quốc tế về thiết kế hệ thống giao dịch phát thải. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn còn tồn tại một số điểm sau:

(1) Quy định về cách thức xác định mức trần phát thải tổng thể còn thiếu cụ thể và tính hệ thống. Mặc dù pháp luật đã nêu các căn cứ để xác định hạn ngạch, song chưa làm rõ phương pháp tính toán mức trần phát thải quốc gia và mức phân bổ cho từng lĩnh vực

trên cơ sở các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu trung hòa các-bon và lộ trình thực hiện đóng góp do quốc gia tự quyết định.

(2) Chưa quy định cụ thể về cơ cấu phân bổ hạn ngạch giữa hình thức phân bổ miễn phí và đấu giá cũng như chưa thiết lập trình tự, thủ tục thực hiện tương ứng. Việc thiếu quy định rõ ràng về tỷ lệ phân bổ miễn phí trong từng giai đoạn có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa các cơ quan quản lý và doanh nghiệp; đồng thời, làm giảm tính minh bạch của thị trường các-bon bắt buộc.

(3) Phương pháp xác định hạn ngạch hiện nay có đề cập đến năng lực kỹ thuật và tài chính của cơ sở, song chưa quy định cơ chế đánh giá độc lập hoặc tiêu chí chuẩn hóa để xác định mức độ năng lực này. Nếu tiêu chí về năng lực không được lượng hóa cụ thể, việc phân bổ hạn ngạch có thể chịu tác động của yếu tố chủ quan trong quá trình xem xét, làm giảm tính minh bạch của cơ chế.

3. Hạn chế của quy định pháp luật về trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính

Theo khoản 18 Điều 3 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon là hoạt động mua, bán, đấu giá, vay mượn, nộp trả hoặc chuyển giao hạn ngạch, tín chỉ trên sàn giao dịch các-bon. Tại Điều 12 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP quy định về tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải nhà kính cho cơ sở, trong đó có quy định pháp luật về trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau:

(1) Chưa có quy định cụ thể về địa vị pháp lý, phân loại tài sản và chế độ sở hữu đối với hạn ngạch phát thải khí nhà kính, từ đó, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh vướng mắc và tranh chấp trong quá trình giao dịch trên thị trường các-bon.

Hạn ngạch khí nhà kính là sự ghi nhận về mặt pháp lý đối với quyền được phát thải một lượng khí nhà kính xác định, theo nguyên tắc mỗi đơn vị hạn ngạch tương ứng với một tấn CO₂ hoặc một tấn CO₂ tương đương. Khi hạn ngạch được đưa vào giao dịch, vấn đề đặt ra là phải xác định rõ bản chất pháp lý của loại

tài sản này và phạm vi quyền của chủ thể nắm giữ, bao gồm: quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện nay chưa quy định rõ hạn ngạch khí nhà kính thuộc loại tài sản nào và cơ chế xác lập, chuyển giao quyền sở hữu được áp dụng như thế nào. Cụ thể:

Theo Điều 105 *Bộ luật Dân sự* năm 2015, tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Đối chiếu với quy định này, hạn ngạch khí nhà kính không được coi là vật theo nghĩa thông thường, bởi không có hình thái vật chất cụ thể và không thuộc các trường hợp phân loại vật được quy định trong *Bộ luật Dân sự*. Hạn ngạch cũng không phải là tiền và khó có thể xếp vào nhóm giấy tờ có giá, do không đáp ứng các điều kiện về tính chuyển nhượng, tính xác lập quyền đòi nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán như quy định trong các văn bản chuyên ngành về giấy tờ có giá.

Về phương diện đặc tính, hạn ngạch phát thải khí nhà kính mang nhiều yếu tố của tài sản vô hình, bởi không tồn tại dưới dạng vật chất cụ thể, chỉ được ghi nhận thông qua hệ thống đăng ký và các chứng nhận pháp lý. Tuy nhiên, khác với nhiều loại tài sản vô hình thuần túy, hạn ngạch lại gắn với một đơn vị phát thải có thể đo lường và kiểm kê được thông qua hệ thống kỹ thuật, do đó, mang tính định lượng rõ ràng. Chính đặc điểm này khiến hạn ngạch khí nhà kính có tính chất đặc thù, không hoàn toàn tương đồng với các loại tài sản truyền thống. Việc chưa có quy định cụ thể về phân loại và chế độ sở hữu hạn ngạch khí nhà kính dẫn đến hệ quả là chưa làm rõ cơ sở pháp lý để xử lý các vấn đề, như: bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng hạn ngạch, thế chấp, xử lý khi doanh nghiệp giải thể hoặc phá sản hay xác định trách nhiệm trong trường hợp tranh chấp.

(2) Chưa thiết lập hệ thống tiêu chuẩn cụ thể đối với tín chỉ các-bon được sử dụng để bù trừ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, cơ sở phát thải được phép sử dụng tín chỉ các-bon từ các cơ chế trao đổi, bù trừ trong nước và quốc tế để bù trừ tối đa

30 phần trăm lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ. So với quy định trước đây, khung pháp lý đã mở rộng phạm vi cơ chế bù trừ, qua đó, tạo điều kiện linh hoạt hơn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp trả hạn ngạch. Tuy nhiên, các quy định hiện hành chủ yếu tập trung vào việc xác định nguồn gốc hợp lệ của tín chỉ các-bon thông qua cơ chế được công nhận mà chưa xây dựng hệ thống tiêu chí pháp lý cụ thể nhằm kiểm soát chất lượng thực tế của tín chỉ được sử dụng để bù trừ. Các nội dung như: loại hình dự án tạo tín chỉ, tiêu chuẩn bổ sung tính bổ sung, phương pháp luận đo đạc, tính bền vững của kết quả giảm phát thải, quy trình thẩm định và xác minh độc lập vẫn chưa được quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật. Việc thiếu khung tiêu chuẩn thống nhất có thể dẫn đến nguy cơ tín chỉ có chất lượng thấp hoặc không phản ánh đầy đủ mức giảm phát thải thực tế được sử dụng để bù trừ, từ đó, làm sai lệch dữ liệu về lượng phát thải ròng của cơ sở và của quốc gia, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường các-bon.

(3) Chưa quy định cụ thể về việc thiết lập và vận hành quỹ dự trữ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Nghị định số 119/2025/NĐ-CP đã điều chỉnh một số nội dung liên quan đến nộp trả, vay mượn, chuyển giao và bù trừ hạn ngạch theo hướng tạo điều kiện linh hoạt cho doanh nghiệp trong giai đoạn đầu triển khai hệ thống giao dịch phát thải. Các cơ chế này góp phần giảm áp lực tài chính và tạo dư địa chuyển đổi công nghệ cho các cơ sở phát thải. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhu cầu sản xuất và phát thải có xu hướng gia tăng cùng với tốc độ phát triển kinh tế, nếu tổng hạn ngạch được phân bổ và giao dịch không được kiểm soát bằng một cơ chế dự phòng phù hợp, nguy cơ mất cân đối cung cầu hạn ngạch có thể xảy ra.

Về nguyên tắc, để đạt được mục tiêu giảm phát thải dài hạn, xu hướng tất yếu là giảm dần tổng hạn ngạch phát thải theo lộ trình đã xác định. Việc siết chặt hạn ngạch trong các giai đoạn tiếp theo sẽ đặt ra yêu cầu cao hơn

đối với doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ và điều chỉnh mô hình sản xuất. Trong trường hợp doanh nghiệp không kịp thích ứng, lượng phát thải vượt hạn ngạch có thể gia tăng, gây áp lực lớn lên hệ thống quản lý và ảnh hưởng đến mục tiêu giảm phát thải ròng về 0 vào năm 2050. Nếu toàn bộ hạn ngạch được phân bổ và lưu thông trên thị trường mà không có phần dự phòng do Nhà nước quản lý, hệ thống có thể đối mặt với rủi ro thiếu hụt hạn ngạch trong các tình huống biến động kinh tế hoặc khủng hoảng chuyển đổi.

4. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về hạn ngạch phát thải khí nhà kính

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về phân bổ hạn ngạch khí nhà kính theo hướng hợp lý, khả thi và hiệu quả hơn.

(1) Về lộ trình phân bổ hạn ngạch khí nhà kính. Hiện nay, trên thế giới cho thấy, việc xác định tổng hạn ngạch phát thải có thể được thực hiện theo hai phương thức chủ yếu là cách tiếp cận từ trên xuống và cách tiếp cận từ dưới lên¹. Cách tiếp cận từ trên xuống, điển hình là mô hình của EU, xác lập trước một mức trần phát thải tuyệt đối cho toàn bộ nền kinh tế trong một giai đoạn nhất định và phân bổ lại cho các ngành, cơ sở. Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế còn đang tăng trưởng nhanh và cơ cấu ngành còn biến động, việc ấn định một mức trần tuyệt đối có thể tạo ra áp lực lớn đối với sản xuất, đặc biệt khi nhu cầu năng lượng tăng cao vượt dự báo ban đầu.

Ngược lại, cách tiếp cận từ dưới lên, như kinh nghiệm của Trung Quốc trong giai đoạn đầu triển khai hệ thống giao dịch phát thải quốc gia, xác định tổng hạn ngạch trên cơ sở tổng hợp nhu cầu phát thải của các ngành và cơ sở, thường gắn với chỉ số cường độ phát thải trên đơn vị sản lượng hoặc GDP. Cách tiếp cận này tạo ra mức độ linh hoạt cao hơn, cho phép điều chỉnh khi có biến động kinh tế và giảm thiểu nguy cơ gây sốc cho thị trường trong giai đoạn khởi động, hạn chế tác động tiêu cực đến các ngành năng lượng, điện lực và công nghiệp nặng, vốn giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh năng lượng và ổn định kinh tế vĩ mô.

Trên cơ sở phân tích đặc điểm phát triển kinh tế của Việt Nam, lộ trình thiết lập tổng hạn ngạch phát thải theo hướng phân kỳ hợp lý, cụ thể:

- Trong giai đoạn thí điểm và đến năm 2030, áp dụng cơ chế xác định tổng hạn ngạch theo cách tiếp cận từ dưới lên, dựa trên cường độ phát thải và mục tiêu tăng trưởng ngành. Cơ chế này cần được thiết kế trên cơ sở số liệu kiểm kê khí nhà kính đáng tin cậy, bảo đảm phản ánh sát thực trạng phát thải của từng lĩnh vực, qua đó, giảm áp lực đột ngột đối với các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp làm quen với cơ chế thị trường các-bon, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

- Cần thiết kế cơ chế điều chỉnh linh hoạt trong giai đoạn áp dụng cách tiếp cận từ dưới lên. Cụ thể, tổng hạn ngạch phát thải hằng năm nên được xác định trên cơ sở kết hợp giữa mục tiêu giảm cường độ phát thải và kịch bản tăng trưởng kinh tế trung hạn; đồng thời, có cơ chế rà soát định kỳ để điều chỉnh khi có biến động lớn về kinh tế hoặc cơ cấu ngành theo nguyên tắc công khai, minh bạch và dựa trên cơ sở dữ liệu kiểm kê được thẩm định độc lập.

- Xác định rõ lộ trình chuyển đổi sang cơ chế tổng hạn ngạch tuyệt đối sau khi Việt Nam đạt đỉnh phát thải khí nhà kính. Theo Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050 và các cam kết quốc tế liên quan, Việt Nam hướng tới đạt đỉnh phát thải trước năm 2030. Sau mốc này, quỹ đạo phát thải của nền kinh tế sẽ ổn định và có xu hướng giảm dần, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thiết lập mức trần tuyệt đối cho toàn thị trường. Khi đó, việc chuyển sang cơ chế từ trên xuống sẽ giúp bảo đảm mục tiêu giảm phát thải dài hạn và phù hợp với lộ trình đưa phát thải ròng về 0.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP theo hướng quy định rõ cơ chế thiết lập tổng hạn ngạch theo từng giai đoạn phát triển của thị trường, xác định cụ thể nguyên tắc tính toán tổng hạn ngạch trong giai đoạn thí điểm trên cơ sở cường độ phát thải và tăng trưởng ngành, quy định cơ

chế chuyển đổi sang mức trần tuyệt đối trong giai đoạn sau năm 2030. Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý trong việc công bố phương pháp tính toán, kịch bản tăng trưởng và tiêu chí điều chỉnh tổng hạn ngạch.

(2) Về phương pháp xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

- Duy trì cơ chế phân bổ miễn phí có điều kiện trong giai đoạn đầu và từng bước chuyển sang phân bổ theo chuẩn hiệu suất. Cơ chế này Việt Nam có thể tham khảo mô hình của EU và Trung Quốc, theo đó cả EU và Trung Quốc đều áp dụng tỷ lệ phân bổ miễn phí cao trong giai đoạn khởi động nhằm bảo đảm sự chấp nhận chính sách và giảm thiểu rủi ro cạnh tranh đối với doanh nghiệp trong nước². EU trong giai đoạn I và II phân bổ phần lớn hạn ngạch miễn phí dựa trên dữ liệu lịch sử phát thải, sau đó, từng bước chuyển sang cơ chế phân bổ dựa trên chuẩn hiệu suất ngành và giảm dần tỷ lệ miễn phí³.

- Xây dựng lộ trình chuyển sang cơ chế đấu giá hạn ngạch theo hướng tăng dần tỷ trọng, phù hợp với nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền. Từ giai đoạn III, EU đã đẩy mạnh cơ chế đấu giá, đặc biệt đối với lĩnh vực phát điện, qua đó, tạo tín hiệu giá rõ ràng và tăng nguồn thu ngân sách cho các quỹ chuyển đổi năng lượng⁴. Đối với Việt Nam, trong giai đoạn thí điểm có thể duy trì tỷ lệ miễn phí cao để ổn định thị trường, nhưng cần xác định rõ lộ trình chuyển đổi sang cơ chế đấu giá sau năm 2030 khi thị trường vận hành ổn định và dữ liệu phát thải đủ tin cậy.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các quy định về trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

(1) Làm rõ tính chất pháp lý và chế độ sở hữu đối với hạn ngạch phát thải khí nhà kính khi tham gia vào thị trường các-bon. Theo hướng tiếp cận phù hợp với cấu trúc của *Bộ luật Dân sự* năm 2015, hạn ngạch phát thải khí nhà kính nên tiếp tục được xác định là một loại quyền tài sản khác, có thể định giá được bằng tiền và được phép chuyển giao theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cần sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan trong

Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2003 hoặc quy định trong nghị định điều chỉnh thị trường các-bon, ghi nhận rõ hạn ngạch phát thải khí nhà kính là một loại tài sản hợp pháp được Nhà nước phân bổ và được phép giao dịch. Trên cơ sở đó, pháp luật cần xác định rõ cơ chế xác lập quyền sở hữu, thời điểm phát sinh hiệu lực của quyền đối với hạn ngạch, phạm vi quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt cũng như cơ chế chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp và xử lý trong trường hợp tranh chấp hoặc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động.

(2) Bổ sung quy định pháp luật về kiểm soát chất lượng đầu ra của tín chỉ các-bon được sử dụng trên thị trường trong nước, bao gồm cả trường hợp bù trừ hạn ngạch phát thải khí nhà kính. Cần xây dựng bộ tiêu chí bắt buộc áp dụng đối với tất cả tín chỉ các-bon được sử dụng tại Việt Nam, bao gồm: yêu cầu về tính bổ sung, tính đo lường được, tính xác minh độc lập, tính lâu dài của kết quả giảm phát thải và cơ chế tránh tính trùng lặp; qua đó, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch của thị trường các-bon, giảm tải công việc hành chính do tránh phải xây dựng nhiều cơ chế kiểm soát riêng biệt cho từng loại tín chỉ. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc thẩm định, công nhận và thu hồi tín chỉ không bảo đảm tiêu chuẩn.

(3) Bổ sung quy định pháp luật về thiết lập và vận hành quỹ dự phòng hạn ngạch phát thải khí nhà kính. Trong giai đoạn đầu triển khai thị trường các-bon, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần xác định một tỷ lệ hạn ngạch phù hợp được giữ lại làm quỹ dự phòng, thay vì phân bổ toàn bộ hạn ngạch vào lưu thông. Để xác định tỷ lệ dự phòng hợp lý, cần hoàn thiện khung pháp lý và hệ thống kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính, xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác về phát thải và sản lượng của các ngành, lĩnh vực, qua đó, đánh giá chính xác tiềm năng phát thải, xu hướng biến động và mức độ rủi ro môi trường, từ đó, thiết kế cơ chế quỹ dự phòng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

5. Kết luận

Yêu cầu xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hạn ngạch phát thải khí nhà kính có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết lập cơ chế kiểm soát tổng lượng phát thải; đồng thời, thúc đẩy quá trình chuyển dịch sang mô hình phát triển kinh tế các-bon thấp ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của quá trình quản lý phát thải, pháp luật về hạn ngạch phát thải khí nhà kính cần tiếp tục rà soát và hoàn thiện theo hướng đồng bộ, thống nhất và khả thi. Yêu cầu này không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công cụ hạn ngạch phát thải mà còn tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam thực hiện thành công các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

Chú thích:

1. *The Transition From an Intensity to an Absolute Emissions Cap in China's National Emissions Trading System*. <https://asiasociety.org>
2. Xiangyun Chang, Yinping Li, Yabing Zhao, Wenjie Liu, Jie Wu (2017). *Effects of carbon permits allocation methods on remanufacturing production decisions*. *Journal of Cleaner Production*, Volume 152, p. 281 - 294.
- 3, 4. Sato, M., Rafaty, R., Calel, R., & Grubb, M (2022). *Allocation, allocation, allocation! The political economy of the development of the European Union Emissions Trading System*. *WIREs Climate Change*, 13(5), e796, <https://doi.org/10.1002/wcc.796>

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2022). *Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn*.
2. Chính phủ (2025). *Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn*.
3. EU Emissions Trading System (EU ETS), <https://climate.ec.europa.eu>
4. *Environmental policies and evaluation*. <https://www.oecd.org>